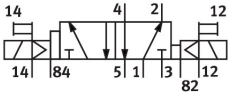
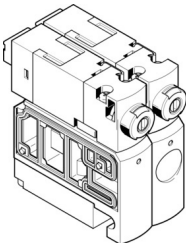


# **Van điện từ** **CPVSC1-M1LH-J-H-Q4** Số bộ phận: 547333



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                                              |
|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 5/2 lưỡng ổn định                                                                    |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                                                 |
| Kích thước van                                             | 10 mm                                                                                |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 170 l/ph                                                                             |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | QS-4                                                                                 |
| Điện áp vận hành                                           | 24V DC                                                                               |
| Áp suất vận hành                                           | -0.09 MPA...0.7 MPA<br>-0.9 bar...7 bar                                              |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                                                                 |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP40                                                                                 |
| Chức năng khí xả                                           | không thể điều tiết                                                                  |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                                                  |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                                               |
| Nút ghi đè                                                 | khớp<br>quét                                                                         |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                                                                     |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | bên ngoài                                                                            |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                                                                  |
| Xếp chồng                                                  | gối chồng dương                                                                      |
| Hiển thị trạng thái tín hiệu                               | Đèn LED                                                                              |
| Áp suất điều khiển                                         | 0.3 MPA...0.7 MPA<br>3 bar...7 bar                                                   |
| Thời gian chuyển đổi lúc                                   | 8 ms                                                                                 |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | 24 V DC: 1,0 W                                                                       |
| Môi chất vận hành                                          | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                 |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                      | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                        |
| Khả năng chống rung                                        | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6 |
| chống sốc                                                  | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27          |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                       | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                                             |
| Tuân thủ LABS                                              | VDMA24364-B2-L                                                                       |
| Nhiệt độ trung bình                                        | -5 °C...50 °C                                                                        |

| Đặc tính                          | Giá trị             |
|-----------------------------------|---------------------|
| Nhiệt độ môi trường xung quanh    | -5 °C...50 °C       |
| trọng lượng sản phẩm              | 56.5 g              |
| Cổng nối điện                     | 2 chân<br>Phích cắm |
| Kiểu gắn                          | với lỗ xuyên        |
| Cổng nối kiểm soát khí thải 82/84 | Đa kết nối          |
| Cổng nối khí nén 1                | Đa kết nối          |
| Cổng nối khí nén 2                | QS-4                |
| Cổng nối khí nén 3/5 kết hợp      | Đa kết nối          |
| Cổng nối khí nén 4                | QS-4                |
| Ghi chú vật liệu                  | Tuân thủ RoHS       |
| Vật liệu của phốt                 | NBR                 |
| Vật liệu vỏ                       | Nhôm đúc áp lực     |